

**(Đọc đoạn văn sau đó trả lời câu hỏi ở dưới)**

Mr. Brown is a farmer. He has got some paddy fields and he grows a lot of wheat. He also has got a small garden. He grows a few vegetables there. He has some animals. He has got two cows and seven pigs. He also has got a lot of chickens, two dogs and one cat. The cows produce a lot of milk. The dog keep the house safe. The cat kills a lot of mice on the farm. The chicken produce a lot of eggs. The pigs produce a little pork and bacon. His animals are useful.

1. What does Mr. Brown do?
2. How many paddy fields has he got ?
3. How many cows has he got?
4. How many dogs has he got?
5. Are his animals useful?

-----**The end**-----

**Phòng Giáo dục & đào**

**tạo** \_\_\_\_\_

**huyện nga son**

Đề chính thức

Kỳ thi chọn đội tuyển học sinh giỏi huyện

**Năm học 2010-2011**

**Môn thi: Tiếng Anh**

Lớp: 6 THCS

đáp án và hướng dẫn chấm

**đáp án**

**Question :I Phonetics (5 points)**

1. A, 2. D, 3. D, 4. B, 5. A

**Question : II (15 points) ( Mỗi động từ đúng cho 1 point)**

- |          |              |                             |                         |
|----------|--------------|-----------------------------|-------------------------|
| 1. go    | 4. goes      | 7. comes, came, is, visited | 10. does your mother do |
| 2. plays | 5. are       | 8. are                      | 11. has                 |
| 3. go    | 6. is coming | 9. is standing              | 12. are having          |

**Question :III (15 points)**

- |                |                   |                    |
|----------------|-------------------|--------------------|
| 1. B. some     | 6. A. students    | 11. D. Japanese    |
| 2. D. A&C      | 7. C. milk        | 12. D. the highest |
| 3. C. Why      | 8.D. to buy       | 13. A. the best    |
| 4. B. opposite | 9. B. taller than | 14. B. is          |
| 5. B. colour   | 10. A. longer     | 15. B. in          |

**Question : IV (10 points)**

- |              |              |                |            |              |
|--------------|--------------|----------------|------------|--------------|
| 1. carefully | 3. happily   | 5. nationality | 7. useful  | 9. invited   |
| 2. fewer,    | 4. dangerous | 6. freedom     | 8. harmful | 10. swimming |

**Question : V (10 points)**

1. Where are the students sitting?
2. Why does Linda have to stay in bed?
3. What do your classmates like in the park?
4. Who went to work two hours ago?
5. How many hotels are there in this city?
6. When did your last see him?
7. How do your go to school?
8. How often does your father get up early?
9. How is your school?
10. Where does Mr. Smith come from?

**Question : VI (5 points)**

1. a few → *a little*
3. swim → *swimming*
5. have → *has*
2. There is → *There are*
4. in → *on*

**Question : VII (10 points)**

- a/ 1. C. skiing      3. A. have    2. B. go      4. D. A&B      5. B. by

b/ 1. *He is a farmer.*

2. *He has got some.*

3. *He has got two cows.*

4. *He has got two dogs.*

5. Yes, they are.

**Hướng dẫn**

Bài thi tính thang điểm : 20 ( Bài thi làm tròn đến 0,25 điểm)

Mỗi phần học sinh làm đúng được một point ( tổng toàn bài 70 points )

Tổng số phần học sinh làm đúng

Điểm bài thi = -----

3,5

**ĐỀ SỐ 33**

**ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI TIẾNG ANH LỚP 6**

**I. Listen to the following conversation and fill in the missing information (6 points)**

**Student A:**

Name:.....

Age:.....

Address: .....

**Student B:**

Name:.....

Age: .....

Address: .....